



- Họ và tên học sinh:**.....
- Câu 1:** Để xà phòng hóa hoàn toàn 1 kg chất béo có chỉ số axit bằng 7, cần dùng vừa đủ dung dịch có chứa 3,2 mol NaOH. Khối lượng xà phòng thu được sau phản ứng là
 A. 1031,45 gam. B. 1103,15 gam. C. 1125,75 gam. D. 1021,35 gam.
- Câu 2:** Cho khí H₂S từ từ đến dư qua dung dịch hỗn hợp FeCl₃, AlCl₃, NH₄Cl và CuCl₂ thu được kết tủa X gồm
 A. Fe₂S₃, Al₂S₃ và CuS. B. FeS, Al₂S₃ và CuS. C. CuS và S. D. CuS, Al₂S₃ và S.
- Câu 3:** Cho 21,8 gam hợp chất hữu cơ X chứa một loại nhóm chức vào 1 lít dung dịch NaOH 0,5M, thu được 24,6 gam muối và 0,1 mol ancol. Sau phản ứng phải dùng 0,5 lít dung dịch HCl để trung hòa hết NaOH dư. Chất nào dưới đây thỏa mãn tính chất của X?
 (0,4M)
 A. (HCOO)₃C₃H₅. B. (HCOO)₂C₃H₅(OOCCH₃).
 C. (CH₃COO)₂C₃H₅OCH. D. (CH₃COO)₃C₃H₅.
- Câu 4:** Trong số các chất phenol, anilin, glucozơ, mantozơ, axit acrylic, số lượng chất phản ứng được với dung dịch nước brom là
 A. 2 chất. B. 3 chất. C. 4 chất. D. 5 chất.
- Câu 5:** Hợp chất X không no mạch hở có công thức phân tử C₅H₈O₂, khi tham gia phản ứng xà phòng hoá thu được 1 andehit và 1 muối của axit hữu cơ. Có bao nhiêu công thức cấu tạo phù hợp với X (không kể đồng phân cis, trans)?
 A. 2 chất. B. 3 chất. C. 4 chất. D. 5 chất.
- Câu 6:** Hòa tan hết 11,6 gam FeCO₃ bằng dung dịch HNO₃ vừa đủ, thu được hỗn hợp khí (CO₂, NO) và dung dịch X. Thêm dung dịch HCl dư vào dung dịch X thu được dung dịch Y. Hãy cho biết dung dịch Y có thể hoà tan tối đa được bao nhiêu gam bột Cu tạo ra sản phẩm khử là khí NO duy nhất.
 A. 28,8 gam. B. 16 gam. C. 48 gam. D. 32 gam.
- Câu 7:** Nhận định nào dưới đây **không đúng**?
 A. Dung dịch NaHCO₃ có môi trường axit yếu. B. Dung dịch NaHCO₃ có môi trường bazơ yếu.
 C. NaHCO₃ là chất lưỡng tính. D. NaHCO₃ rắn bị phân huỷ bởi nhiệt.
- Câu 8:** Cho các chất sau : CH₃CHCl₂; CH₃COOCH=CH-CH₃; CH₃COOC(CH₃)=CH₂; CH₃COO-CH₂-OOCCH₃; CH₃CH₂CCl₃; HCOOC₂H₅. Khi thủy phân trong môi trường kiềm thì số chất sau khi thủy phân có sản phẩm tham gia phản ứng tráng gương là
 A. 2 chất. B. 3 chất. C. 4 chất. D. 5 chất.
- Câu 9:** Cho các phương trình phản ứng sau:
 1) H₂O₂ + KNO₂ → H₂O + KNO₃ 2) H₂O₂ + 2KI → I₂ + KOH
 3) H₂O₂ + Ag₂O → 2Ag + H₂O + O₂ 4) 3H₂O₂ + 2KMnO₄ → 2MnO₂ + KOH + 3O₂ + 2H₂O
 5) 5H₂O₂ + 2KMnO₄ + 3H₂SO₄ → 2MnSO₄ + K₂SO₄ + 5O₂ + 8H₂O
 Những phản ứng đúng là
 A. (2), (3), (5). B. (2), (3), (4), (5). C. (1), (2), (4), (5). D. (1), (2), (3), (4), (5).
- Câu 10:** X và Y là hai nguyên tố thuộc nhóm VIIA của Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, chúng tham gia các phản ứng theo phương trình: 5X₂ + Y₂ + 6H₂O → 10HX + 2HYO₃
 Vậy
 A. X là F, còn Y có thể là Cl, Br, I. B. X là I, còn Y có thể là Cl, Br, F.
 C. X là Br, còn Y có thể là Cl, F, I. D. X là Cl, còn Y có thể là Br, I.
- Câu 11:** Số đồng phân của ankan C₇H₁₆ có chứa nguyên tử cacbon bậc 3 trong phân tử là
 A. 4 chất. B. 5 chất. C. 6 chất. D. 7 chất.
- Câu 12:** Cho một dung dịch X có chứa các ion : Ba²⁺; Mg²⁺; Na⁺; Ca²⁺; H⁺; Cl⁻. Trong số các dung dịch cho dưới đây, dung dịch nào có thể dùng để loại bỏ nhiều ion nhất ra khỏi dung dịch X?
 A. Dung dịch Na₂SO₄. B. Dung dịch Na₂CO₃. C. Dung dịch K₂CO₃. D. Dung dịch NaOH.
- Câu 13:** Biết rằng cứ 1 mol chất X (C₇H₆O₃) phản ứng vừa đủ với dung dịch chứa 3 mol NaOH. Cho 2,76 gam X tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, sau phản ứng, cô cạn dung dịch rồi nung nóng chất rắn còn lại trong Oxi dư đến phản ứng hoàn toàn thu được chất rắn có khối lượng là
 A. 0,84 gam. B. 1,06 gam. C. 3,18 gam. D. 5,04 gam.
- Câu 14:** Cho các hợp chất sau đều có chứa nhóm thế ở vị trí para: CH₃-C₆H₄-C₂H₅ (1); C₂H₅-C₆H₄-C₂H₅ (2); C₂H₃-C₆H₄-C₂H₅ (3); C₂H₃-C₆H₄-C₂H₃ (4); CH₃-C₆H₄-C₂H₃ (5). Số chất khi đun nóng với dung dịch KMnO₄ thu được sản phẩm chứa cacbon chỉ gồm Kali axetat và Kali terephthalat là
 A. 5 chất. B. 4 chất. C. 3 chất. D. 2 chất.
- Câu 15:** Hoà tan hết 9 gam hỗn hợp gồm Mg và Al vào dung dịch H₂SO₄ loãng, dư thu được 9,408 lít khí (đktc) và dung dịch X. Thêm dung dịch Na₂CO₃ dư vào dung dịch X đến phản ứng hoàn toàn thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là
 A. 19,68 gam. B. 20,16 gam. C. 29,52 gam. D. 34,42 gam.
- Câu 16:** Đun nóng m gam hỗn hợp X gồm C₂H₂, C₂H₄ và H₂ với xúc tác Ni đến phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 8,96 lít (đktc) hỗn hợp Y (có tỉ khối so với hidro bằng 8). Đốt cháy hoàn toàn cùng lượng hỗn hợp X ở trên, sau đó cho sản phẩm cháy hấp thụ hoàn toàn trong dung dịch nước vôi trong dư thì khối lượng kết tủa thu được là
 A. 20 gam. B. 40 gam. C. 30 gam. D. 50 gam.

Câu 17: Oxi hóa 9,2 gam rượu etylic bằng oxi có xúc tác, thu được 13,2 gam hỗn hợp X gồm andehit, axit, rượu dư và nước. Cho hỗn hợp X tác dụng với Na dư sinh ra 3,36 lít H₂ (đktc). Phần trăm khối lượng rượu đã bị oxi hóa là

- A. 25%. B. 50%. C. 75%. D. 80%.

Câu 18: Có bốn hợp chất hữu cơ công thức phân tử lần lượt là: CH₂O, CH₂O₂, C₂H₂O₃ và C₃H₄O₃. Số chất vừa tác dụng với Na, vừa tác dụng với dung dịch NaOH, vừa có phản ứng tráng gương là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 19: Cho các phương trình phản ứng sau:

- 1) $5Cl_2 + Br_2 + 6H_2O \longrightarrow 10HCl + 2HBrO_3$ 2) $2HI + 2FeCl_3 \longrightarrow 2FeCl_2 + I_2 + 2HCl$
3) $8HI + H_2SO_4 (đ) \xrightarrow{t^0} 4I_2 + H_2S + 4H_2O$ 4) $2HBr + H_2SO_4 (đ) \xrightarrow{t^0} Br_2 + SO_2 + 2H_2O$
5) $2HCl + H_2SO_4 (đ) \xrightarrow{t^0} Cl_2 + SO_2 + 2H_2O$ 6) $4HBr + O_2 \longrightarrow 2H_2O + 2Br_2$
7) $2CaOCl_2 + CO_2 + H_2O \longrightarrow CaCO_3 + CaCl_2 + 2H_2O$

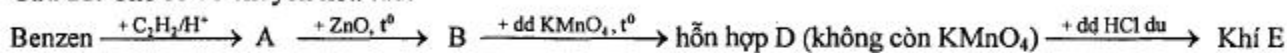
Số phản ứng có thể xảy ra là

- A. 7 phản ứng. B. 6 phản ứng. C. 5 phản ứng. D. 4 phản ứng.

Câu 20: Hòa tan hoàn toàn những lượng bằng nhau về số mol của Fe₂O₃ và FeCO₃ vào dung dịch H₂SO₄ 10% vừa đủ, thu được dung dịch Y. Nồng độ phần trăm của Fe₂(SO₄)₃ trong dung dịch Y là

- A. 13,294%. B. 9,634%. C. 9,533%. D. 3,66%.

Câu 21: Cho sơ đồ chuyển hóa sau:



Vậy E là

- A. Cl₂. B. O₂. C. CO₂. D. hỗn hợp Cl₂ và CO₂.

Câu 22: Hoà tan hoàn toàn 0,1 mol FeS₂ trong dung dịch HNO₃ đặc nóng. Tính thể tích khí NO₂ thoát ra (đktc) và số mol HNO₃ (tối thiểu) đã tham gia phản ứng.

- A. 33,6 lít và 1,4 mol. B. 33,6 lít và 1,5 mol. C. 22,4 lít và 1,5 mol. D. 33,6 lít và 1,8 mol.

Câu 23: Chia hỗn hợp X gồm Cu và Fe thành 3 phần bằng nhau. Phần một tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng, dư, tạo ra 4,48 lít khí H₂ (đktc). Phần hai cho vào 200ml dung dịch FeCl₃ 1M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thấy còn lại 12 gam chất rắn không tan. Cho phần ba tác dụng hết với clo thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 28,4 gam. B. 38,9 gam. C. 40,4 gam. D. 46,0 gam.

Câu 24: Cho 1,74 gam hợp chất X có công thức C₈H₁₄O₄ tác dụng vừa hết với NaOH thu được 1,48 gam muối của một axit và hỗn hợp 2 ancol. Số lượng hợp chất có thể thỏa mãn tính chất của X là

- A. 2 chất. B. 4 chất. C. 6 chất. D. 8 chất.

Câu 25: Cho mỗi chất CH₃I (X), HCl (Y), nước brom (Z), NaNO₂/HCl (T) tác dụng với anilin. Chất phản ứng được với anilin là

- A. Z. B. Y và Z. C. Y, Z và T. D. X, Y, Z và T.

Câu 26: Đun nóng m gam hỗn hợp gồm những lượng bằng nhau về số mol của glucozơ, fructozơ, saccarozơ và mantozơ với dung dịch H₂SO₄ loãng, sau đó cho phản ứng với lượng dư dung dịch AgNO₃/NH₃ tạo ra 12,96 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 10,44 gam. B. 15,66 gam. C. 21,6 gam. D. 31,32 gam.

Câu 27: Vàng không bị hòa tan trong

- A. nước cường toan. B. Hg. C. dung dịch NaCN. D. dung dịch HNO₃.

Câu 28: Hoà tan hết hỗn hợp rắn gồm CaC₂, Al₄C₃ và Ca vào H₂O dư, thu được 3,36 lít (đktc) hỗn hợp khí X có tỉ khối so với hidro bằng 10. Dẫn X qua Ni đun nóng thu được hỗn hợp khí Y. Tiếp tục cho Y qua bình đựng nước brom dư thì có 0,784 lít (đktc) hỗn hợp khí Z (tỉ khối hơi so với He bằng 6,5) đi ra khỏi bình. Khối lượng bình brom tăng lên là

- A. 2,09 gam. B. 3,45gam. C. 3,91 gam. D. 2,545 gam.

Câu 29: Cho dung dịch AgNO₃ tác dụng với từng dung dịch NaF, NaCl, NaBr, NaI. Số lượng dung dịch phản ứng tạo kết tủa với AgNO₃ là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 30: Cho 200 ml dung dịch AlCl₃ 1M vào cốc chứa 350ml dung dịch NaOH 2M. Sau phản ứng, lọc lấy kết tủa rồi nung đến khối lượng không đổi thu được chất rắn có khối lượng là

- A. 5,1 gam. B. 7,8 gam. C. 10,2 gam. D. 15,6 gam.

Câu 31: Trong số các hidrocarbon có tỉ khối hơi so với H₂ bằng 20 thì số chất có thể làm mất màu dung dịch KMnO₄ là

- A. 1 chất. B. 2 chất. C. 3 chất. D. 4 chất.

Câu 32: Cho các cặp dung dịch sau: (1) Na₂CO₃ và AlCl₃; (2) NaNO₃ và FeCl₂; (3) HCl và Fe(NO₃)₂; (4) NaHCO₃ và BaCl₂; (5) NaHCO₃ và NaHSO₄.

Khi trộn các dung dịch trong các cặp với nhau thì các cặp có phản ứng xảy ra là

- A. (1) (3) (4). B. (1) (4) (5). C. (1) (3) (5). D. (3) (2) (5).

Câu 33: Cho anilin tác dụng với nước brom được kết tủa A. Cho A tác dụng với HNO₂ ban đầu ở 0⁰C + 5⁰C, sau đó đun nóng nhẹ được kết tủa B. Vậy B là

- A. axit picric. B. muối của A với HNO₂. C. 2,4,6-tribromphenol. D. anilin.

Câu 34: Hỗn hợp X gồm phenol và anilin. Cho hỗn hợp X tác dụng vừa đủ với dung dịch 50 ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch Y. Dung dịch Y phản ứng vừa đủ với 125ml dung dịch HCl 1M. Thành phần phần trăm theo khối lượng của phenol có trong hỗn hợp X là

- A. 59,74%. B. 28,79%. C. 71,21%. D. 40,26%.

Câu 35: Hai hợp chất X và Y là hai ancol, trong đó khối lượng mol của X nhỏ hơn của Y. Khi đốt cháy hoàn toàn mỗi chất X, Y đều tạo ra số mol CO_2 ít hơn số mol H_2O . Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp Z gồm những lượng bằng nhau về số mol của X và Y thu được tỉ lệ số mol CO_2 và H_2O tương ứng là 2 : 3. Số hợp chất thỏa mãn các tính chất của Y là

- A. 2 chất. B. 4 chất. C. 5 chất. D. 6 chất.

Câu 36: Đốt 0,1 mol chất béo người ta thu được khí CO_2 và H_2O với số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O là 0,6 mol. Hỏi 1 mol chất béo đó có thể cộng hợp tối đa với bao nhiêu mol Br_2 ?

- A. 2 mol. B. 3 mol. C. 4 mol. D. 5 mol.

Câu 37: Cho hợp chất $\text{C}_{12}\text{H}_{10}$ (có cấu tạo cân xứng và không làm mất màu dung dịch KMnO_4 khi đun nóng) tác dụng với $\text{HNO}_3/\text{H}_2\text{SO}_4$, thì số lượng các chất đồng phân $\text{C}_{12}\text{H}_9\text{NO}_2$ có thể được tạo ra là

- A. 4 chất. B. 3 chất. C. 2 chất. D. 1 chất.

Câu 38: Cho Brom tác dụng vừa đủ với dung dịch CrCl_3 trong môi trường kiềm thu được dung dịch X có màu

- A. đỏ nâu. B. vàng. C. xanh lục. D. da cam.

Câu 39: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm x mol FeS_2 và y mol Cu_2S bằng dung dịch HNO_3 đặc, nóng, thu được dung dịch chỉ chứa hai muối sunfat. Tỉ lệ x : y tương ứng là

- A. 1 : 1. B. 1 : 2. C. 2 : 1. D. 2 : 3.

Câu 40: Cho một thanh sắt nặng m gam vào cốc đựng dung dịch CuSO_4 . Sau một thời gian lấy thanh sắt ra thấy khối lượng của thanh sắt nặng (m + 1,6) gam. Thêm dung dịch HCl dư vào cốc thấy còn lại a gam chất rắn không tan và có 6,72 lít khí (đktc) bay ra. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a và m tương ứng là

- A. 1,6 và 16,8 gam. B. 6,4 và 16,8 gam. C. 12,8 và 11,2 gam. D. 12,8 và 28,0 gam.

Câu 41: Tiến hành điện phân 100gam dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ với điện cực trơ, cường độ dòng điện $I = 5\text{A}$ trong thời gian 12 phút 52 giây thì dừng lại. Để yên dung dịch sau điện phân đến khi catot không đổi, sau đó thêm dung dịch NaOH dư và dung dịch sau điện phân thu được kết tủa X. Lọc lấy kết tủa X rồi nung đến khối lượng không đổi thu được 3,2 gam chất rắn. Nồng độ % của dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ ban đầu là

- A. 7,52% B. 8,46% C. 9,4% D. 11,28%

Câu 42: Cho 6,69 gam hỗn hợp ở dạng bột gồm Al và Fe vào 100 ml dung dịch CuSO_4 0,75 M, khuấy kỹ hỗn hợp để phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn A. Hoà tan hoàn toàn A bằng dung dịch HNO_3 1M thu được khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Thể tích dung dịch HNO_3 ít nhất cần dùng là

- A. 0,6 lit. B. 0,5 lit. C. 0,4 lit. D. 0,3 lit.

Câu 43: Cho hỗn hợp 2 anken là đồng đẳng kế tiếp nhau tác dụng với nước (xt, t°) được hỗn hợp X gồm 3 rượu. Đốt cháy hết 1,94 gam X rồi hấp thụ toàn bộ CO_2 thu được vào 2 lít dung dịch NaOH 0,15M được dung dịch Y có nồng độ của NaOH là 0,05M. Công thức phân tử của 2 anken là (coi thể tích dung dịch thay đổi không đáng kể)

- A. C_2H_4 và C_3H_6 . B. C_4H_8 và C_3H_6 . C. C_4H_8 và C_5H_{10} . D. C_5H_{10} và C_6H_{12} .

Câu 44: Dung dịch A chứa m gam NaOH và 0,3 mol NaAlO_2 . Cho từ từ dung dịch chứa 1 mol HCl vào dung dịch A, thu được dung dịch B và 15,6 gam kết tủa. Sục CO_2 vào dung dịch B thấy xuất hiện kết tủa. giá trị của m là

- A. 24 gam. B. 16 gam. C. 8 gam. D. 32 gam.

Câu 45: Cho hỗn hợp X gồm hai chất hữu cơ có cùng công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_7\text{O}_2\text{N}$ tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH đun nóng, thu được dung dịch Y và 4,48 lít khí Z (đktc) gồm hai khí (đều làm xanh quỳ tím ẩm). Tỉ khối của Z đối với H_2 bằng 12. Cô cạn dung dịch Y thu được muối khan có khối lượng là

- A. 14,3 gam. B. 8,9 gam. C. 16,5 gam. D. 15gam.

Câu 46: Cho 10,32 gam hỗn hợp X gồm Cu, Ag tác dụng vừa đủ với 160 ml dung dịch Y gồm HNO_3 1M và H_2SO_4 0,5 M thu được khí NO duy nhất và dung dịch Z chứa m gam chất tan. Giá trị của m là

- A. 20,36. B. 25,2. C. 22,96. D. 27,92.

Câu 47: Hoà tan 2,16 gam hỗn hợp 3 kim loại Na, Al, Fe vào nước (dư), thu được 0,448 lít khí (đktc) và chất rắn X. Tách lượng chất rắn X rồi cho tác dụng với 60 ml dung dịch CuSO_4 1M, sau khi phản ứng hoàn toàn thu được 3,2 gam kim loại và dung dịch Y. Thêm từ từ dung dịch NaOH vào Y đến khi kết tủa đạt giá trị lớn nhất thì dừng lại. Lọc lấy kết tủa, nung trong không khí đến khối lượng không đổi, thu được chất rắn có khối lượng bằng

- A. 5,24 gam. B. 3,64 gam. C. 3,42 gam. D. 2,62 gam.

Câu 48: Chất A (chứa C, H, O), mạch hở có nguồn gốc từ thực vật và rất thường gặp trong đời sống. Khi lấy cùng số mol của A cho phản ứng hết với Na_2CO_3 hoặc với Na thì tỉ lệ số mol CO_2 và số mol H_2 thu được tương ứng là 3:4. Biết rằng A có khối lượng mol phân tử là 192 gam và chỉ chứa các nhóm chức phản ứng với Na. Tên gọi của chất A có thể là

- A. axit lauric (trong quả dừa). B. axit tataric (trong quả nho).
C. axit malic (trong quả táo). D. axit xitric (trong quả chanh).

Câu 49: Cho m gam hỗn hợp X gồm Cu, Fe, Al vào lượng dư axit H_2SO_4 loãng, thu được 8,96 lít khí (đktc) và còn lại 0,5m gam chất rắn không tan. Mặt khác nếu cho m gam X vào lượng dư dung dịch NaOH , thu được 6,72 lít khí (đktc). Giả sử các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

- A. 22,4 gam. B. 22,0 gam. C. 11,0 gam. D. 5,4 gam.

Câu 50: Nhỏ giọt từ từ dung dịch hỗn hợp chứa 0,105 mol Na_2CO_3 và 0,09 mol KHCO_3 vào cốc chứa 100ml dung dịch HCl 1,5M thì thể tích khí thoát ra ở đktc là

- A. 1,176 lit. B. 1,68 lit. C. 2,184 lit. D. 2,688 lit.

-----o0o-----

Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; Cs = 133; Ba = 137; $N_A = 6,02 \cdot 10^{23}$.

ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – 1112

Ngày thi: 19-02-2012



hoahocphothong.vn
Phạm Ngọc Dũng

Mã đề thi : 357

Câu 1: D.	Câu 2: B.	Câu 3: C.	Câu 4: C.	Câu 5: B.
Câu 6: D.	Câu 7: B.	Câu 8: A.	Câu 9: D.	Câu 10: C.
Câu 11: C.	Câu 12: C.	Câu 13: B.	Câu 14: A.	Câu 15: D.
Câu 16: D.	Câu 17: A.	Câu 18: D.	Câu 19: D.	Câu 20: C.
Câu 21: B.	Câu 22: A.	Câu 23: C.	Câu 24: D.	Câu 25: B.
Câu 26: C.	Câu 27: C.	Câu 28: B.	Câu 29: B.	Câu 30: C.
Câu 31: C.	Câu 32: D.	Câu 33: A.	Câu 34: A.	Câu 35: B.
Câu 36: C.	Câu 37: D.	Câu 38: C.	Câu 39: D.	Câu 40: C.
Câu 41: B.	Câu 42: C.	Câu 43: C.	Câu 44: D.	Câu 45: C.
Câu 46: D.	Câu 47: D.	Câu 48: C.	Câu 49: C.	Câu 50: D.

Mã đề thi : 368

Câu 1: D.	Câu 2: C.	Câu 3: D.	Câu 4: B.	Câu 5: C.
Câu 6: C.	Câu 7: C.	Câu 8: B.	Câu 9: D.	Câu 10: D.
Câu 11: B.	Câu 12: C.	Câu 13: A.	Câu 14: C.	Câu 15: D.
Câu 16: A.	Câu 17: D.	Câu 18: C.	Câu 19: D.	Câu 20: B.
Câu 21: A.	Câu 22: B.	Câu 23: D.	Câu 24: C.	Câu 25: B.
Câu 26: A.	Câu 27: C.	Câu 28: C.	Câu 29: C.	Câu 30: C.
Câu 31: D.	Câu 32: A.	Câu 33: D.	Câu 34: D.	Câu 35: B.
Câu 36: A.	Câu 37: D.	Câu 38: D.	Câu 39: C.	Câu 40: C.
Câu 41: C.	Câu 42: D.	Câu 43: C.	Câu 44: B.	Câu 45: C.
Câu 46: B.	Câu 47: C.	Câu 48: C.	Câu 49: D.	Câu 50: B.

Mã đề thi : 379

Câu 1: A.	Câu 2: C.	Câu 3: D.	Câu 4: D.	Câu 5: C.
Câu 6: D.	Câu 7: A.	Câu 8: C.	Câu 9: D.	Câu 10: D.
Câu 11: C.	Câu 12: B.	Câu 13: C.	Câu 14: A.	Câu 15: C.
Câu 16: B.	Câu 17: C.	Câu 18: C.	Câu 19: B.	Câu 20: B.
Câu 21: D.	Câu 22: B.	Câu 23: D.	Câu 24: C.	Câu 25: D.
Câu 26: A.	Câu 27: D.	Câu 28: A.	Câu 29: C.	Câu 30: A.
Câu 31: C.	Câu 32: C.	Câu 33: C.	Câu 34: D.	Câu 35: D.
Câu 36: C.	Câu 37: B.	Câu 38: B.	Câu 39: C.	Câu 40: D.
Câu 41: B.	Câu 42: C.	Câu 43: B.	Câu 44: D.	Câu 45: D.
Câu 46: C.	Câu 47: C.	Câu 48: D.	Câu 49: B.	Câu 50: C.

Mã đề thi : 304

Câu 1: D.	Câu 2: C.	Câu 3: B.	Câu 4: D.	Câu 5: D.
Câu 6: C.	Câu 7: B.	Câu 8: C.	Câu 9: D.	Câu 10: A.
Câu 11: C.	Câu 12: C.	Câu 13: C.	Câu 14: B.	Câu 15: C.
Câu 16: D.	Câu 17: A.	Câu 18: D.	Câu 19: C.	Câu 20: B.
Câu 21: D.	Câu 22: B.	Câu 23: D.	Câu 24: D.	Câu 25: C.
Câu 26: B.	Câu 27: C.	Câu 28: A.	Câu 29: B.	Câu 30: A.
Câu 31: D.	Câu 32: B.	Câu 33: D.	Câu 34: C.	Câu 35: C.
Câu 36: A.	Câu 37: D.	Câu 38: A.	Câu 39: C.	Câu 40: D.
Câu 41: C.	Câu 42: C.	Câu 43: D.	Câu 44: C.	Câu 45: B.
Câu 46: D.	Câu 47: B.	Câu 48: C.	Câu 49: C.	Câu 50: C.